

Bản án số: 25/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 01/4/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Diễm T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021 cũng như trong suốt quá trình tố tụng chị Trương Thị Diễm T trình bày: Chị và anh Đ do quen biết vợ chồng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 13/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm, chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi nhau.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Đ. Về tài sản chung: chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có. Về con chung: sau khi ly hôn chị yêu cầu anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung tên: Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/7/2016; Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/11/2018 và Huỳnh Hoàng Q, sinh ngày 17/10/2021, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày: Anh thống nhất với chị T về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý. Tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có. Anh đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/7/2016; Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/11/2018 và Huỳnh Hoàng Q, sinh ngày 17/10/2021, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị T và anh Đ được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/7/2016; Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/11/2018 và Huỳnh Hoàng Q, sinh ngày 14/10/2021, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị T và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 của chị Trương Thị Diễm T đối với anh Huỳnh Thanh Đ thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Huỳnh Thanh Đ có nơi cư trú tại xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Đ đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh Đ đến để tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Trương Thị Diễm T và anh Huỳnh Thanh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2016 tại UBND xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ không chăm lo vợ con, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh Đ biết để anh đến Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị T nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh Đ vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh Đ cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị T và anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trương Thị Diễm T và anh Huỳnh Thanh Đ có ba con chung tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/7/2016; Huỳnh Thị Diễm Ngọc, sinh ngày 14/11/2018 và Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 17/10/2021. Chị T và anh Đ đều thống nhất sau khi ly hôn anh Đ người trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung nên Tòa ghi nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị T và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị T và anh Đ khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị Diễm T có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Diễm T đối với anh Huỳnh Thanh Đ, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Trương Thị Diễm T và anh Huỳnh Thanh Đ được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: anh Huỳnh Thanh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/7/2016; Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/11/2018 và Huỳnh Hoàng Q, sinh ngày 17/10/2021, chị Trương Thị Diễm T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Trương Thị Diễm T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị T và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T và anh Đ khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị Diễm T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001684 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Cẩm Sơn;
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kim Hùng Trần Thị T

Nguyễn Thị Hồng Diễm

